

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 19/9/2017.

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Phụng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Khanh**.

2. Ông **Trần Văn Thịnh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tô Thị Bích Duyên**— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Lâm Thanh Dũng**— Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 250/2017/TLST-HNGĐ, ngày 31/7/2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Châu Cẩm H**, địa chỉ: đường N, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ,

* *Bị đơn:* Ông **Phạm Tuấn K**, địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Châu Cẩm H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Tuấn K kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện ngày 02/12/2012 và được UBND phường B cấp giấy chứng nhận kết hôn lập ngày 22/01/2013. Lúc đầu sống rất hạnh phúc, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông K không kiếm được việc làm, nếu có việc làm được thì ông K không gửi tiền về cho gia đình, mọi chi phí trong gia đình do bà gánh vác nên ông bà mới có mâu thuẫn, lâu ngày mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và ông bà đã sống ly thân từ tháng 04/2017 cho đến nay, sau khi ly thân gia đình hai bên không gặp nhau bàn bạc, ông bà có gặp nhau để bàn bạc nhưng không đạt kết quả. Nay bà H xin ly hôn với ông K.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông bà có 01 con chung là cháu Phạm Trí T, sinh ngày 26/5/2013 hiện nay cháu T đang sống chung với cha. Nếu ly hôn, bà đồng ý giao cháu T cho ông K nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và bà không phải cấp dưỡng nuôi cháu T.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2017, biên bản hòa giải ngày 21/8/2017 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Phạm Tuấn K trình bày: Về thời gian, thủ tục kết hôn, thời gian mâu thuẫn, con chung và tài sản chung đúng như vợ ông trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ ông gửi con cho mẹ ông và ông nuôi dưỡng rồi đi làm ở tại Cần Thơ, không lo cho gia đình và cũng không gửi tiền về để cùng ông nuôi con, nên ông kêu bà H nghỉ, ở nhà cùng ông chăm lo cho gia đình và chăm sóc con, nhưng bà H không đồng ý và kể từ tháng 04/2017 bà H không về nhà đến nay, sau khi ly thân gia đình hai bên không gặp nhau bàn bạc, ông bà có gặp nhau để bàn bạc nhưng không đạt kết quả. Ông không đồng ý ly hôn với bà H, vì còn thương vợ con; về con chung ông K yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Trí T sinh ngày 26/5/2013 cho đến khi cháu T trưởng thành, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81 khoản và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung cho ông Phạm Tuấn K trực tiếp nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được Tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Cẩm H và ông Phạm Tuấn K tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương ngày 02/12/ 2012, không ai ép buộc và ông bà có đăng ký kết hôn đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, kinh tế ông bà gặp khó khăn, ông K không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập bà H, bà H có khuyên ông K nhiều lần không được, nên bà H đi làm ăn và ông bà sống ly thân từ tháng 04/2017 đến nay, cũng như sau khi Tòa án đã thụ lý có mời hai bên đến hòa giải nhiều lần và có thời gian để hai ông bà tìm biện pháp để ông bà hàn gắn lại, nhưng đến thời điểm này cả hai người cũng không có một biện pháp nào để hàn

gắn tình cảm vợ chồng. Tại tòa hôm nay, bà H kiên quyết ly hôn với ông K và phía ông K không đồng ý ly hôn với bà H vì còn thương vợ con và cũng không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà thực sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Châu Cẩm H được ly hôn với ông Phạm Tuấn K.

[2]. Về con chung: Bà Châu Cẩm H và ông Phạm Tuấn K thừa nhận ông bà sống chung có 01 người con chung là cháu Phạm Trí T sinh ngày 26/5/2013. Tại tòa, bà H đồng ý giao cháu T cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng và phía ông K cũng đồng ý nuôi cháu T và không bên nào cấp dưỡng nuôi con. **Xét thấy**, Tại tòa, bà H đồng ý giao cháu T cho ông K nuôi dưỡng là tự nguyện và không bên nào bị ép buộc và phía ông K cũng đồng ý tiếp tục nuôi cháu T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho cháu T. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện của ông K về việc không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho cháu T.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà H không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: ông bà xác định không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án, bà Châu Cẩm H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung cho ông Phạm Tuấn K trực tiếp nuôi là có căn cứ như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 của Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 24 ; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Châu Cẩm H được ly hôn với ông Phạm Tuấn K.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trí T sinh ngày 26/5/2013 cho ông Phạm Tuấn K **trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; bà Châu Cẩm H không phải cấp dưỡng nuôi con, vì ông K không yêu cầu.**

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà H không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ông bà xác định không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Châu Cẩm H chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007579, ngày 25/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ông Phạm Tuấn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (PGĐKT).
- VKSND huyện Kế Sách.
- Chi cục THADS huyện K.
- Các bên đương sự.
- UBND phường B, quận B, TP Cần Thơ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Phụng